MIRAE ASSET Securities

03 Tháng 02, 2023

Bản tin cuối ngày
Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,077.15	0.0	3.2	-27.2
HNX	215.28	0.0	1.3	-48.3
UPCOM	75.54	0.9	4.3	-31.1
MSCI EM	1,045.56	0.3	8.6	-13.6
NIKKEI	27,509.46	0.4	5.4	1.0
HANG SENG	21,660.47	-1.4	7.5	-9.0
KOSPI	2,480.40	0.5	11.8	-8.4
FTSE	7,818.60	0.0	3.5	3.8
S&P 500	4,179.76	1.5	9.3	-6.6
NASDAQ	12,200.82	3.3	17.5	-12.1

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.9	1.8	14.7
Indonesia	15.2	2.0	13.5
Philippines	16.0	1.7	10.9
Malaysia	15.9	1.4	8.9
Thái Lan	17.7	1.7	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.8	-5	-87	294
TPCP 10 năm	4.1	-3	-64	205

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,450	0.0	-0.4	3.5
US$/KRW	1,229.4	0.7	-3.3	2.4
US$/JPY	128.7	0.0	-1.8	11.9
US$/EUR	0.92	0.2	-3.2	5.0
US$/GBP	0.82	0.3	-1.8	11.6
US$/SGD	1.31	0.2	-2.4	-2.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	421	383	470
HNX	51	40	50
UPCOM	19	17	21

Các cổ phiếu tác động VN-Index

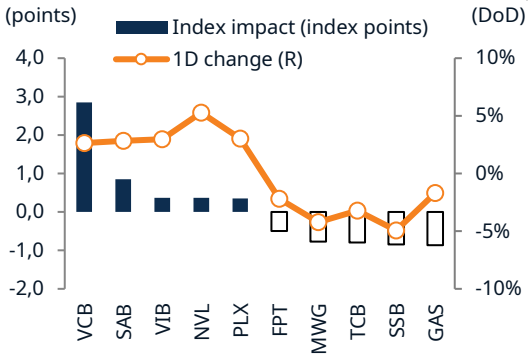

Nhận định thị trường

Cú sốc đầu năm

Sau 4 tuần tăng điểm liên tiếp, VN-Index đã có tuần điều chỉnh đầu tiên sau kỳ nghỉ tết Âm lịch. Trong tuần, VN-Index đã để mất 39,95 điểm, tương ứng với -3,6% để chốt tuần tại 1.077,15. Diễn biến giảm điểm đã xuất hiện ngay trong phiên đầu tuần, chỉ số sau đó đã có phiên hồi phục tuy nhiên áp lực bán đã kéo VN-Index giảm điểm trong 3 phiên còn lại của tuần. So với diễn biến của các thị trường chứng khoán lớn trong tuần thì VN-Index có mức giảm mạnh thứ 3 trên thế giới và ngược chiều với hầu hết các thị trường Châu á trừ 2 chỉ số quan trọng của thị trường Trung Quốc là Hangseng và Shanghai.

VHM và VIC là 2 cổ phiếu dẫn đầu diễn biến giảm điểm trong tuần với mức ảnh hưởng đến VN-Index lần lượt là -5,7 điểm và -3,1 điểm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng có 5 đại diện trong top ảnh hưởng tiêu cực là VPB, TCB, ACB, CTG và BID với tổng mức ảnh hưởng là -28,1 điểm. Chiều tăng điểm, trong top 10 xuất hiện 2 cổ phiếu thuộc nhóm vốn hóa trung bình là SBT và ACG với mức tăng lần lượt 11,8% và 13,4% trong tuần.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 1.800 tỷ đồng trong tuần. HPG vẫn là cái tên được khối ngoại ưa thích khi mua ròng đến 867 đồng dù cổ phiếu này đã công bố lỗ trong Q4/2022, STB xếp vị trí thứ 2 với giá trị mua ròng 337 tỷ đồng. Chiều bán ròng, khối này bán VNM mạnh nhất với giá trị 236 tỷ đồng.

Nhịp giảm điểm trong tuần khiến chúng tôi tỏ ra lo ngại khi xuất hiện phiên giảm mạnh với khối lượng lớn vào ngày 01/02. Dấu hiệu cân bằng đã xuất hiện khi VN-Index về vùng 1.060 – 1.070, tuy nhiên nếu VN-Index hồi phục thì chỉ số sẽ sớm đối mặt với lượng cung lớn tại vùng 1.100 – 1.011. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-6 (TIÊU CỰC)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 13,9 lần

Phạm Bình Phương Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (03/02/2023)	1.077	Kháng cự 1	1.100
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.130
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.070
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.010

VN-Index đang có dấu hiệu cân bằng tại 1.070 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (02/02/2023)	1.081	Kháng cự 1	**1.130**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**1.140**
VN30 – đóng cửa	1.093	Hỗ trợ 1	**1.065**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**-5.48**	Hỗ trợ 2	**1.035**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	**-4**	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	**-4**	TIÊU CỰC
VN30F1M	**-4**	TIÊU CỰC

VN30F1M giảm nhẹ trong phiên và có xu hướng kiểm định vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 1.080 điểm. Kháng cự ngắn hạn là vùng 1.090 – 1.110 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
OCB	Ngân hàng	19,400	1,000,995	97	5	
GMD	Kho bãi, hậu cần	54,600	687,555	87	7	Top sức mạnh ngành
VIB	Ngân hàng	24,300	4,182,745	98	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
GMD	54.6	687,555	7	KHẢ QUAN	16,455	18.0	2.4	38
CTF	33.6	844,870	7	KHẢ QUAN	2,623	24.4	3.1	28
SBT	15.75	2,459,395	6	KHẢ QUAN	10,838	16.7	1.2	39
VIB	24.3	4,182,745	5	KHẢ QUAN	51,216	6.1	1.6	102
NVL	14.95	14,796,730	3	TRUNG TÍNH	29,154	12.8	0.8	221
CEO	22.6	8,392,885	2	TRUNG TÍNH	5,816	20.9	1.8	190
TPB	24	7,426,560	2	TRUNG TÍNH	37,962	6.1	1.2	178
MWG	47.8	2,721,670	2	TRUNG TÍNH	69,949	16.9	2.9	130
DPM	42.8	1,721,480	2	TRUNG TÍNH	16,749	3.0	1.2	74
HAH	37.3	1,503,690	2	TRUNG TÍNH	2,694	3.8	1.2	56
FRT	71.4	716,645	2	TRUNG TÍNH	8,459	21.7	4.2	51
HPX	5.24	9,113,950	2	TRUNG TÍNH	1,594	14.6	0.5	48
HDB	18.35	2,152,195	2	TRUNG TÍNH	46,658	6.0	1.3	39
GAS	107	257,935	2	TRUNG TÍNH	201,348	13.8	3.4	28
BVH	49.95	500,120	2	TRUNG TÍNH	36,893	24.1	1.8	25
AAA	8.3	2,816,320	2	TRUNG TÍNH	3,096	16.7	0.6	23
HPG	21.3	26,864,156	0	TRUNG TÍNH	122,692	14.5	1.3	572
HSG	14.7	13,932,995	0	TRUNG TÍNH	8,791	#N/A N/A	0.9	205
GEX	13.6	13,705,505	0	TRUNG TÍNH	11,580	30.5	1.0	186
DXG	13.45	8,501,275	0	TRUNG TÍNH	8,174	52.5	0.9	114
DGC	58.8	1,933,345	0	TRUNG TÍNH	22,331	4.2	2.1	114
VCB	93	1,204,800	0	TRUNG TÍNH	440,124	14.7	3.2	112
HCM	23.6	4,667,880	0	TRUNG TÍNH	10,790	12.7	1.4	110
TCB	28	3,834,075	0	TRUNG TÍNH	95,317	4.7	0.8	107
VIC	56	1,622,210	0	TRUNG TÍNH	213,580	24.9	1.9	91
DCM	26.65	2,376,605	0	TRUNG TÍNH	14,109	3.5	1.3	63
HBC	9.47	3,377,970	0	TRUNG TÍNH	2,640	27.0	0.7	32
NLG	27.7	1,114,065	0	TRUNG TÍNH	10,639	21.7	1.2	31
VPI	52.8	576,340	0	TRUNG TÍNH	12,778	25.4	3.7	30
DGW	41.3	685,080	0	TRUNG TÍNH	6,900	9.8	2.8	28
VPG	13.65	1,894,915	0	TRUNG TÍNH	1,071	19.8	0.7	26
SSI	19.75	15,066,075	-2	TRUNG TÍNH	29,410	13.6	1.3	298
DIG	15.65	9,568,055	-2	TRUNG TÍNH	9,544	62.6	1.3	150

BSR	16.2	9,185,155	-2	TRUNG TÍNH	49,918	7.6	1.3	149
SHS	9.1	16,256,135	-2	TRUNG TÍNH	7,318	37.3	0.8	148
IDC	40	2,689,620	-2	TRUNG TÍNH	13,200	5.9	2.5	108
HHV	13.05	6,712,230	-2	TRUNG TÍNH	4,017	12.7	0.6	88
LCG	9.8	7,220,200	-2	TRUNG TÍNH	1,982	10.0	0.8	71
KDH	26.95	1,624,030	-2	TRUNG TÍNH	19,319	18.7	1.7	44
VJC	109.1	325,185	-2	TRUNG TÍNH	59,090	#N/A N/A	4.2	35
SZC	29.1	1,110,780	-2	TRUNG TÍNH	2,920	18.8	1.9	32
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
REE	70.5	428,125	-2	TRUNG TÍNH	25,056	9.3	1.6	30
TCM	47.9	602,675	-2	TRUNG TÍNH	3,925	16.5	2.0	29
HUT	14.8	1,782,250	-2	TRUNG TÍNH	5,299	38.1	1.4	26
BCG	7.1	3,648,180	-2	TRUNG TÍNH	3,788	9.3	0.6	26
SAB	187.5	127,160	-2	TRUNG TÍNH	123,639	24.1	5.3	24
TNG	15	1,551,160	-2	TRUNG TÍNH	1,577	5.3	1.0	23
PNJ	85.5	370,780	-3	TRUNG TÍNH	26,929	13.5	3.1	32
STB	26.15	14,388,945	-4	TIÊU CỰC	49,110	9.7	1.3	376
VND	15.1	22,266,120	-4	TIÊU CỰC	18,389	8.3	1.3	336
VCG	19.85	9,555,055	-4	TIÊU CỰC	10,009	7.8	1.4	190
MBB	18.6	9,657,965	-4	TIÊU CỰC	84,332	4.8	1.1	180
LPB	13.9	11,523,515	-4	TIÊU CỰC	24,035	4.7	1.0	160
VCI	27.5	5,663,090	-4	TIÊU CỰC	11,846	13.6	1.8	156
PVS	23.6	5,304,560	-4	TIÊU CỰC	11,280	15.7	0.9	125
PDR	13.7	8,629,575	-4	TIÊU CỰC	9,202	7.9	1.1	118
CTG	29.05	3,721,835	-4	TIÊU CỰC	139,607	8.3	1.3	108
POW	12.15	8,859,855	-4	TIÊU CỰC	28,454	15.0	0.9	108
ACB	24.5	3,611,440	-4	TIÊU CỰC	82,747	6.0	1.4	88
BID	43.35	1,909,030	-4	TIÊU CỰC	219,287	12.1	2.2	83
VIX	7.33	10,786,555	-4	TIÊU CỰC	4,267	10.0	0.5	79
FPT	80.1	985,360	-4	TIÊU CỰC	87,872	16.6	4.2	79
MSN	96.5	583,315	-4	TIÊU CỰC	137,389	38.4	5.3	56
VRE	29.2	1,800,305	-4	TIÊU CỰC	66,352	24.3	2.0	53
PVT	19.3	2,679,810	-4	TIÊU CỰC	6,246	7.5	1.0	52
CII	13.95	3,707,315	-4	TIÊU CỰC	3,518	4.6	0.6	52
ASM	8.8	3,803,550	-4	TIÊU CỰC	2,938	4.7	0.6	33
VGC	36.95	860,200	-4	TIÊU CỰC	16,567	9.5	2.2	32
TCH	7.35	4,016,855	-4	TIÊU CỰC	4,911	27.5	0.6	30
PLX	37.3	785,315	-4	TIÊU CỰC	47,393	32.3	1.9	29
PAN	16.35	1,780,400	-4	TIÊU CỰC	3,363	9.3	0.8	29
L14	52.3	544,355	-4	TIÊU CỰC	1,636	86.1	4.0	28
HDC	30.6	892,110	-4	TIÊU CỰC	3,307	8.1	1.8	27
IJC	11.7	2,137,025	-4	TIÊU CỰC	2,946	6.0	0.8	25
VPB	18.25	22,531,604	-5	TIÊU CỰC	122,516	6.7	1.3	411
SHB	10.45	17,496,084	-5	TIÊU CỰC	32,049	4.1	0.7	183
KBC	23	5,964,780	-5	TIÊU CỰC	18,423	11.9	1.1	137
VNM	76	1,675,625	-5	TIÊU CỰC	158,837	20.9	5.3	127
PVD	19.3	4,439,855	-5	TIÊU CỰC	10,728	#N/A N/A	0.8	86
KDC	60.1	940,570	-5	TIÊU CỰC	15,382	41.7	2.2	57

KSB	22.05	2,305,065	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,762	13.5	0.9	51
PC1	23.3	1,940,870	**-5**	**TIÊU CỰC**	6,301	14.0	1.2	45
HVN	12.4	2,172,690	**-5**	**TIÊU CỰC**	27,458	#N/A N/A	#N/A N/A	27
GEG	14.6	1,655,125	**-5**	**TIÊU CỰC**	4,700	12.2	1.3	24
NKG	14.1	10,549,270	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,712	#N/A N/A	0.7	149
DBC	14.9	5,062,640	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,606	24.0	0.8	75
VHM	48.1	1,487,445	**-6**	**TIÊU CỰC**	209,445	7.3	1.4	72
EIB	25.3	2,548,745	**-6**	**TIÊU CỰC**	31,105	10.6	1.5	64
FCN	11.7	3,639,525	**-6**	**TIÊU CỰC**	1,842	46.9	0.7	43
HDG	32	1,264,555	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,876	7.0	1.4	40
GVR	15.4	2,442,660	**-6**	**TIÊU CỰC**	61,600	16.1	1.3	38
ANV	29.2	1,281,745	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,712	5.5	1.3	37
MBS	14.1	2,369,090	**-6**	**TIÊU CỰC**	5,507	9.8	1.2	33
VHC	68	447,180	**-6**	**TIÊU CỰC**	12,470	5.5	1.6	30
PVC	13.6	2,078,820	**-6**	**TIÊU CỰC**	680	49.7	0.9	28
DPG	31.85	823,360	**-6**	**TIÊU CỰC**	2,007	5.1	1.2	26
FTS	19.7	1,311,555	**-6**	**TIÊU CỰC**	3,843	11.8	1.1	26
HAG	8.55	16,101,025	**-7**	**TIÊU CỰC**	7,985	6.9	1.6	138
IDI	11.75	5,387,910	**-7**	**TIÊU CỰC**	2,675	4.9	0.8	63

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

FiinGroup: Khả năng tăng lãi suất của NHNN trong quý 1 đã giảm

Khả năng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng lãi suất trong quý 1 đã giảm bớt cùng với sự phục hồi của VND và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) chỉ tăng lãi suất ở mức 25 điểm cơ bản.

Ghi nhận của FiinGroup cho thấy tỷ giá VND/USD đã mạnh lên khoảng +5% kể từ đầu tháng 12, đồng thuận với các đồng tiền trong khu vực do Fed giảm tốc độ tăng lãi suất và Trung Quốc mở cửa trở lại. Hai lần tăng lãi suất +100 điểm cơ bản liên tiếp của NHNN vào tháng 9 và tháng 10 năm ngoái do sự suy yếu của VND và các rủi ro lạm phát đi kèm.

Theo FiinGroup, NHNN có thể áp dụng cách tiếp cận chờ đợi trước khi thực hiện các đợt tăng lãi suất tiếp theo. Tuy nhiên, vẫn có những rủi ro rằng Fed có thể tiếp tục quan điểm diều hâu với tốc độ tăng lãi suất hoặc lạm phát có thể vẫn tăng trên ngưỡng +4,5% trong một thời gian dài do Trung Quốc mở cửa trở lại.

Do đó, FiinGroup hiện duy trì kịch bản cơ sở là tăng lãi suất +50 điểm cơ bản vào năm 2023, mặc dù khả năng tăng đã chậm lại hơn, dự báo VND/USD sẽ đạt 22.900 vào cuối năm 2023 (trước đó là 24.200đồng).

Bên cạnh đó, FiinGroup cũng tăng nhẹ dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 lên +6,3% (từ +6%) do triển vọng tích cực hơn của Trung Quốc, có khả năng sẽ thúc đẩy du lịch và xuất khẩu. Điều này sẽ giúp chống những cơn gió ngược từ nhu cầu bên ngoài yếu hơn từ Hoa Kỳ và EU, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn và khủng hoảng thanh khoản bất động sản.

Nguồn: cafef.vn

Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ dự thảo sửa đổi Nghị định 65 vào đầu tuần tới

Theo Thứ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Đức Chi, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 65 về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Bộ Tài chính đã triển khai xong quy trình đánh giá tác động, rồi xin ý kiến của các bộ ngành, các tổ chức, các chuyên gia, kể cả các tổ chức quốc tế.

Chúng tôi đã tổng hợp và cũng đã xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy trình, quy định và đến hiện nay đang trong quá trình hoàn chỉnh bộ hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 65 để trình Chính phủ.

"Dự kiến Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ trong đầu tuần tới", Thứ trưởng khẳng định.

Với tiến độ như vậy, chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ sớm thông qua những nội dung Nghị định mới để các quy định của chúng ta thích ứng với tình hình thực tế, từ đó củng cố niềm tin của thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát hành.

Đồng thời chúng ta cũng bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư tham gia vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Nguồn: vietnambiz.vn

Siêu dự án Tổ hợp hóa dầu Long Sơn hơn 5 tỷ USD sẽ đi vào hoạt động giữa năm 2023

Tờ Bangkokpost dẫn lời ông Roongrote Rangsiyopash, Chủ tịch kiêm Giám đốc của The Siam Cement Group (Tập đoàn SCG), dự án Tổ hợp hóa dầu Long Sơn tại Việt Nam sẽ bắt đầu vận hành thương mại vào giữa năm 2023. Đây cũng sẽ là nguồn doanh thu chính, đóng góp 10% trong cơ cấu doanh thu của tập đoàn trong năm nay.

Năm 2022, SCG ghi nhận tổng doanh thu 570 triệu baht, tăng 7% so với năm 2021, nhờ ba mảng chính là bao bì, xi măng và vật liệu xây dựng. Theo kỳ vọng, với sự đóng góp thêm của mảng hóa dầu, doanh thu của tập đoàn sẽ tăng trưởng 10% năm 2023, tức 627 triệu baht.

Kế hoạch đầu tư của SCG năm nay cho thấy, tập đoàn sẽ dành 40 - 50 tỷ baht, trong đó khoảng 50% là rót vốn vào tổ hợp Hóa dầu Long Sơn cũng như những dự án tại Thái Lan và nước ngoài.

Nói thêm, The Siam Cement Group (Tập đoàn SCG) là một trong những tập đoàn lớn nhất tại Thái Lan hoạt động trên ba mảng chính là vật liệu, hoá chất và bao bì.

SCG bắt đầu hoạt động kinh doanh tại Việt Nam từ năm 1992 và từng bước thâu tóm các doanh nghiệp đầu ngành nhựa, từ hạ nguồn cho đến thượng nguồn, khép kín chuỗi giá trị ngành tại Việt Nam.

Với hạ nguồn, SCG đầu tư trực tiếp cũng như thâu tóm các doanh nghiệp nhựa đầu ngành của Việt Nam như Nhựa Duy Tân, Nhựa Bình Minh (Mã: BMP), Bao bì nhựa Tín Thành (Batico) - top 5 công ty lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì,...

Chiến lược thâu tóm các doanh nghiệp đầu ngành trong chuỗi giá trị trong ngành nhựa tại Việt Nam được hậu thuẫn bởi mắt xích quan trọng ở thượng nguồn là Tổ hợp hóa dầu Long Sơn có tổng vốn đăng ký khoảng 5,4 tỷ USD, được nhận quyết định đầu tư vào năm 2008 và được khởi công tháng 2/2018.

Dự án nằm tại xã Long Sơn, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được đầu tư trên diện tích khoảng 464 ha và 194 ha mặt nước cho cảng biển.

Đây là tổ hợp hoá dầu được tích hợp hoàn chỉnh đầu tiên tại Việt Nam với công suất sản phẩm olefin lên tới 1,6 triệu tấn/năm và được thiết kế để sản xuất đa dạng các sản phẩm hoá dầu, bao gồm những sản phẩm là nguyên liệu cần thiết cho ngành nhựa như polyetylen, polypropylen và các sản phẩm khác, công suất hơn 2 triệu tấn/năm. Các sản phẩm này có thể giúp thay thế các sản phẩm polyolefins hiện đang phải nhập khẩu.

Nguồn: vietnambiz.vn

Thủ tướng: Đẩy mạnh giải ngân 700,000 tỷ đồng vốn đầu tư công năm 2023

Sáng 2/2, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phạm Minh Chính, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 1/2023. Phiên họp được tổ chức trực tuyến với các địa phương nhằm đánh giá tình hình kinh tế-xã hội (KTXH) tháng 1 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 2. Trong đó nổi bật là tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

Với tổng vốn đầu tư công 700,000 tỷ đồng của năm 2023, Thủ tướng yêu cầu tăng cường quản lý chặt chẽ, thúc đẩy tiến độ dự án lớn, quan trọng, có tính lan tỏa cao, nhất là công trình giao thông trọng điểm. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân ngay từ đầu năm; khẩn trương phân bổ chi tiết toàn bộ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định; làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, kiểm tra, rà soát từng dự án, bố trí kế hoạch vốn.

Về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, Thủ tướng yêu cầu khẩn trương hoàn thành kế hoạch phân bổ vốn còn lại (14,100 tỷ đồng). Đánh giá khả năng thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2%; đề xuất phương án xử lý, điều chỉnh trước ngày 15/2.

Nguồn: cafef.vn

Doanh nghiệp VN30 thu lãi ròng gần 630 tỷ đồng mỗi ngày trong quý 4/2022

Theo số liệu công bố, tổng lợi nhuận ròng các doanh nghiệp rổ chỉ số VN30 trong quý cuối năm 2022 đạt 57.659 tỷ đồng, giảm gần 9.000 tỷ so với thực hiện trong quý 3 trước đó và sụt 6.400 tỷ đồng so với mức 64.000 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước.

Tính một cách đơn giản bằng phương pháp chia trung bình, trong quý 4/2022, mỗi ngày các doanh nghiệp VN30 kiếm về 627 tỷ đồng lãi ròng.

Chi tiết các doanh nghiệp, không quá bất ngờ khi 5/6 gương mặt dẫn đầu lợi nhuận ròng quý 4 của nhóm VN30 đều là các đại diện tới từ ngân hàng, lần lượt là Vietcombank (VCB – LNR 9.928 tỷ), Vietinbank (CTG – LNR 1.340 tỷ), BIDV (BID – LNR 4.186 tỷ), Techcombank (TCB – LNR 3.544 tỷ) và MB (MBB – LNR 3.434 tỷ). Duy nhất Vinhomes (VHM) lọt top lợi nhuận ròng với khoản lãi 8.928 tỷ đồng trong quý 4.

PV Gas (GAS) cũng có một quý đầy khởi sắc với khoản lãi ròng 3.250 tỷ đồng, tăng 1.286 tỷ so với quý 4/2021 tương ứng mức tăng 65%. Nguyên nhân chính xuất phát từ việc giá dầu neo ở mức cao hơn dự kiến. Từ đó, lãi ròng cả năm 2022 cán mốc kỷ lục khi xấp xỉ 15.000 tỷ đồng, đồng nghĩa trung bình mỗi tháng trong năm qua PV Gas lãi hơn 1.200 tỷ đồng.

Ở chiều ngược lại, Vietjet Air (VJC) và Hòa Phát (HPG) là 2 cái tên duy nhất nhóm VN30 báo lỗ, lần lượt lỗ ròng 2.356 tỷ và 1.992 tỷ đồng.

Nguồn: cafef.vn

Hóa chất Đức Giang (DGC) đặt kế hoạch lãi quý I/2023 giảm 54% so với cùng kỳ, đi lùi 3 quý liên tiếp

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (mã: DGC) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh quý I/2023. Theo đó, công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất là 2.578 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 700 tỷ.

Kế hoạch này lần lượt giảm 29% và giảm 54% so với cùng kỳ năm trước; còn giảm 17% về doanh thu và giảm 38% về lợi nhuận so với quý IV/2022 vừa công bố.

Quý 4/2022 là quý thứ 2 liên tiếp ghi nhận lợi nhuận DGC giảm từ đỉnh cao hồi quý II/2022. Nếu đạt kế hoạch 700 tỷ đồng cho quý I/2023, đây sẽ là quý thứ ba liên tiếp Hóa chất Đức Giang ghi nhận mức tăng trưởng âm về lợi nhuận.

Nguồn: vietnambiz.vn

Hòa Phát nâng giá bán thép HRC và thép xây dựng

Theo đó, giá bán thép HRC SAE1006/SS400 của Hòa Phát ở mức 650-652 USD/tấn (giá CFR), trước đó giá các loại thép này ở mức 570 USD/tấn. Đây là mức giá áp dụng cho các lô hàng vận chuyển trong tháng 3 và đầu tháng 4/2022 và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Trước đó, ông trùm thép Việt cũng nhiều lần nâng giá bán với thép xây dựng. Trong lần gần nhất, Hòa Phát điều chỉnh tăng 210,000 đồng/tấn đối với thép cuộn CB240 và thép thanh vằn D10 CB300. Sau điều chỉnh, giá hai loại thép này lần lượt là 15.15 triệu đồng/tấn và 15.23 triệu đồng/tấn.

Từ chiều ngày 30/01, hàng loạt công ty thép thông báo điều chỉnh tăng giá bán mặt hàng thép lần thứ 2 liên tiếp. Theo đó, thép Việt Đức, Hòa Phát, Việt Ý, Pomina... đồng loạt tăng giá trên toàn quốc đối với sản phẩm thép cuộn xây dựng và thép cây ở mức trung bình 200,000-400,000 đồng/tấn (chưa bao gồm VAT).

Nguồn: vietnambiz.vn

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index

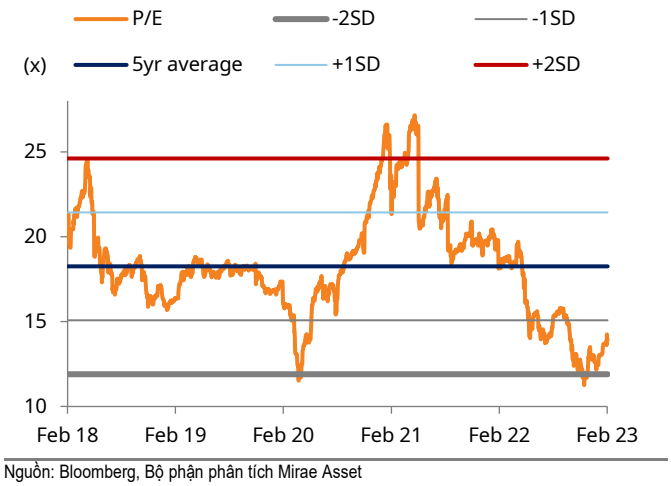

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường

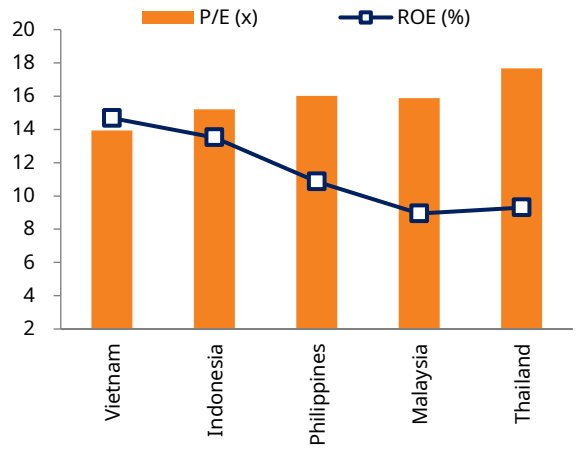

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND

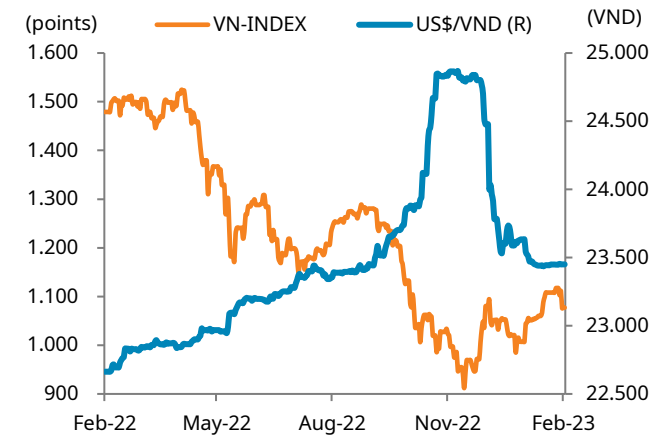

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets

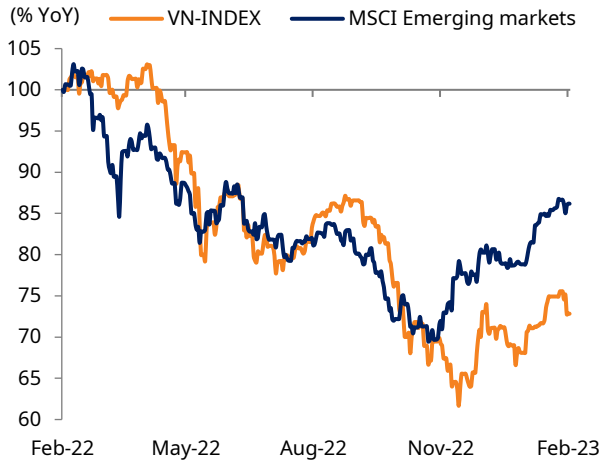

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ

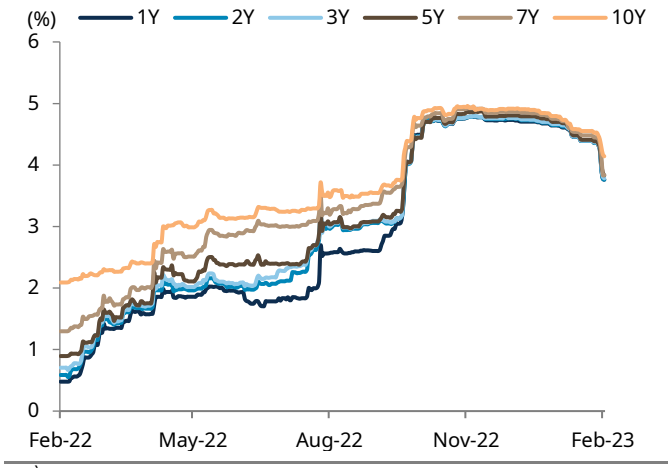

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng

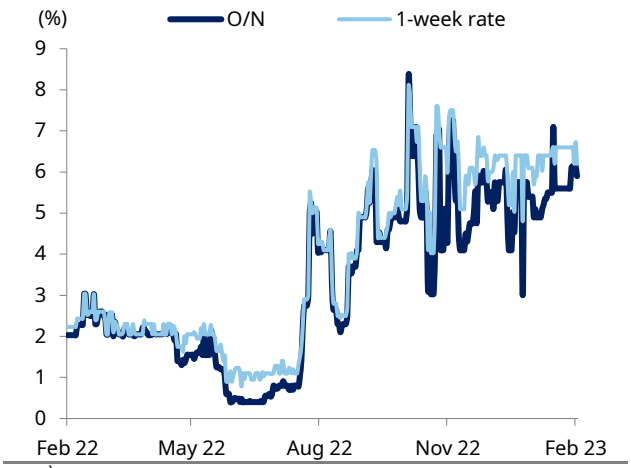

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23
VN-Index	**VN-Index**	**1,077.15**	**4,300,706**		**0.0**	**-3.6**	**3.2**	**-27.2**	**12.4**	**9.9**	**1.6**	**1.5**	**14.3**	**21.6**	**15.1**	**15.7**
VN30 Index	**VN30**	**1,085.70**	**3,078,245**		**-0.7**	**-4.0**	**3.7**	**-29.1**	**9.9**	**8.4**	**1.6**	**1.3**	**12.4**	**19.7**	**18.2**	**16.1**
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,500	82,747	30.0	-2.0	-7.0	7.9	-11.4	5.4	5.8	1.3	1.2	44.8	3.8	26.5	22.2
BIDV	BID VN	43,350	219,287	17.2	0.5	-2.7	5.2	-9.6	10.7	10.7	2.0	1.8	108.0	12.2	19.9	19.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	49,700	36,893	27.1	-0.5	-2.5	4.2	-8.6	22.6	18.8	1.7	1.6	-19.3	27.9	7.4	10.1
VietinBank	CTG VN	29,050	139,607	28.1	-0.5	-4.3	3.8	-21.3	7.7	6.8	1.2	1.2	20.0	22.0	16.9	17.9
FPT Corp	FPT VN	80,100	87,872	49.0	-2.2	-4.6	0.1	7.4	17.4	14.1	4.0	3.4	22.0	28.8	24.8	28.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	105,200	201,348	3.0	-1.7	-2.8	0.2	-3.5	13.3	14.1	3.2	3.1	75.6	-2.4	26.7	22.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	15,400	61,600	0.6	1.0	-8.6	5.5	-50.6	14.5	14.2	1.1	#N/A	-8.2	13.9	7.9	8.6
HDBank	HDB VN	18,550	46,658	18.2	1.1	4.8	12.4	-25.0	5.2	5.3	1.1	1.0	26.7	12.6	23.5	20.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	21,100	122,692	23.2	-0.9	-1.9	9.6	-35.0	12.3	11.1	1.1	1.2	-73.5	30.4	9.1	12.0
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	26,950	19,319	37.9	1.3	-2.5	-3.8	-40.7	16.3	14.2	1.8	1.5	-12.2	32.9	9.4	11.4
MBBank	MBB VN	18,600	84,332	23.2	-1.8	-5.6	3.3	-33.8	4.4	4.2	1.3	0.8	37.7	14.1	25.8	22.8
Masan Group Corp	MSN VN	96,500	137,389	30.7	-0.2	-6.9	0.5	-19.0	37.0	29.4	5.1	4.1	-58.5	30.7	12.1	12.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	47,800	69,949	49.0	-4.2	4.1	8.8	-27.8	15.3	12.2	2.6	2.4	-18.5	39.8	18.5	19.9
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	14,950	29,154	6.1	5.3	7.2	2.0	-81.3	12.0	3.4	0.7	0.3	-36.0	273.7	6.2	13.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	13,700	9,202	3.8	-0.4	0.0	-5.8	-79.4	8.3	#N/A	1.1	#N/A	-38.6	N/A	15.1	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	37,300	47,393	17.9	3.0	-2.1	13.2	-33.5	29.8	15.1	1.6	1.9	-40.5	131.6	6.0	12.4
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	24,300	51,216	20.5	3.0	4.1	22.1	-31.0	4.8	5.6	1.2	1.2	31.8	9.7	29.4	25.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	12,150	28,454	5.7	1.3	-0.4	10.0	-27.7	13.2	12.6	0.8	0.9	6.9	19.3	6.4	7.2
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	192,800	123,639	62.6	2.8	-0.2	14.1	29.7	20.5	21.4	4.6	4.5	48.1	10.8	23.6	22.7
SSI Securities Corp	SSI VN	19,750	29,410	43.3	-2.0	-5.7	4.5	-53.4	13.1	16.8	1.2	#N/A	-44.6	-12.8	9.3	8.1
Sacombank	STB VN	26,050	49,110	27.8	-0.4	-2.3	10.9	-26.7	8.4	#N/A	1.1	1.1	64.0	N/A	13.8	18.6
Techcombank	TCB VN	27,100	95,317	22.5	-3.2	-6.7	-1.3	-48.7	4.5	4.2	0.8	0.7	11.7	11.7	19.7	17.8
Tien Phong Bank	TPB VN	24,000	37,962	30.0	0.4	-2.0	9.6	-42.8	5.3	6.3	1.0	1.0	22.4	-3.1	21.5	18.3
Vietcombank	VCB VN	93,000	440,124	23.6	2.6	0.0	12.6	4.5	12.7	14.4	2.7	2.7	50.6	2.6	24.2	18.7
Vinhomes JSC	VHM VN	48,100	209,445	24.4	0.4	-9.8	-2.6	-40.1	7.3	5.9	1.4	1.1	-27.1	25.0	21.3	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	56,000	213,580	12.9	0.4	-5.4	-1.4	-42.3	23.9	35.2	1.8	1.9	428.6	-29.3	8.0	5.3
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	109,100	59,090	17.1	-2.6	-6.1	-2.3	-10.5	785.6	24.3	3.5	#N/A	-2,984.9	212.1	-14.0	13.0
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	76,000	158,837	55.9	-0.9	-5.0	-3.2	-8.5	21.0	16.4	5.3	4.6	-19.6	27.9	24.1	29.7
VPBank	VPB VN	18,250	122,516	17.6	-0.8	-7.4	-1.4	-25.3	6.6	7.4	1.2	1.1	54.1	-9.2	20.7	16.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,200	66,352	32.6	1.2	-3.6	3.9	-16.5	21.9	18.9	1.8	1.9	108.2	28.5	8.6	10.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.